

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 20/5/2025

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Phiến;
2. Ông Nguyễn Hùng Cường;

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Thiên Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Ông Trần Cao Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2025/TLST- HNGĐ, ngày 17/03/2025 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 28/4/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2025/QĐST – HNGĐ ngày 12/5/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1972 (vắng mặt);
Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.
Chỗ ở hiện nay: Số F, Phó C, khóm B, phường C, TP ., tỉnh Vĩnh Long.
2. Bị đơn: Ông Trần Văn T1, sinh năm 1973 (vắng mặt);
Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh T trình bày:
Bà T và ông Trần Văn T1 có quen biết tìm hiểu nhau có tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp vào năm 2015 và chung sống với nhau.

Thời gian chung sống ông T1 thường hay nhậu cùng bạn bè. Bà T có khuyên nhủ nhiều lần nhưng ông T1 không sửa đổi, mỗi lần nhậu thì ông T1 kiếm chuyện chửi bà vô cớ, vì vậy vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không còn tiếng nói

chung trong gia đình. Từ đầu năm 2024, bà T về nhà cha mẹ ruột sinh sống nên vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Thời gian sống ly thân ông T1 đã dùng lời lẽ đe dọa, chửi bới và đăng nhiều bài viết trên mạng xã hội để nói xấu bà T.

Do không còn tình cảm nên bà Nguyễn Thị Ánh T yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn T1.

Về con chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản ghi lời khai anh Trần Văn T1 trình bày:

Ông và bà T có quen biết nhau sau thời gian tìm hiểu có tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A vào năm 2015 đến năm 2016 có tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau. Sau khi chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng đến năm 2024 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng chưa có nhà riêng nên bà T muốn vợ chồng xây nhà ở riêng nhưng ông T1 không đồng ý, bên cạnh đó thì do ông thương vợ nên có ghen tuông vô cớ dẫn đến có lời lẽ xúc phạm bà T. Vợ chồng có thuê nhà trọ sinh sống, đến tết năm 2025 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ tết năm 2025 cho đến nay.

Do ông còn tình cảm với bà T nên bà T yêu cầu được ly hôn thì ông T1 không đồng ý.

Về con chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: thẩm phán đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách của người tham gia tố tụng, thu thập đầy đủ chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và thư ký: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa chấp hành theo điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ánh T được ly hôn với anh Trần Văn T1. Về con chung: không có. Về nợ chung, tài sản chung: do đương sự trình bày không có và không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Ánh T và anh Trần Văn T1 là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn qui định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông T1 có hộ khẩu thường trú tại ấp A, xã A, huyện C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Trần Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Bà Nguyễn Thị Ánh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông T1.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Ánh T và ông Trần Văn T1 chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên được pháp luật công nhận hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Vợ chồng chung sống đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do ông T1 thường xuyên nhậu, bà T có động viên nhưng ông T1 không thay đổi, bà T muốn vợ chồng sống riêng nhưng do không có điều kiện để cất nhà sinh sống riêng nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thuê nhà trọ sinh sống riêng đến đầu năm 2025 vợ chồng lại phát sinh mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ đầu năm 2025 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân ông T1 dùng lời lẽ xúc phạm nên bà T không đồng ý trở về chung sống trở lại.

Xét thấy vợ chồng chung sống với nhau phải có nghĩa vụ yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Trong thời gian chung sống giữa bà T và anh T1 xảy ra mâu thuẫn về kinh tế và trong cuộc sống nên vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2025 cho đến nay. Từ khi vợ chồng sống ly thân với nhau cho đến nay ông T1 cũng không có biện pháp nào để vợ chồng chung sống trở lại ngoài ra ông T1 dùng lời lẽ xúc phạm bà T nên bà T kiên quyết xin ly hôn. Điều đó chứng tỏ rằng mâu thuẫn giữa bà T với ông T1 đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc bà T yêu cầu ly hôn với ông T1 là có cơ sở. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ánh T được ly hôn với ông Trần Văn T1.

[2.2] Về con chung: bà T và ông T1 trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: bà T và ông T1 trình bày tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/TBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội. Bà Nguyễn Thị Ánh T phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như đã phân tích trên là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/TBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh T.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Ánh T được ly hôn với ông Trần Văn T1.

2. *Về con chung*: Bà T và ông T1 trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. *Về tài sản chung*: Bà T và ông T1 trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về nợ chung*: Bà T và ông T1 trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị Ánh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà T đã nộp ngày 12/03/2025 theo biên lai số 0004302 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành được chuyển thành án phí bà T phải nộp.

6. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- VKS nhân dân huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành;
- UBND xã An Phú Thuận, huyện Châu Thành (Số 48/2015 ngày 10/8/2015);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Loan

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- VKS nhân dân huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành;
- UBND xã Tân Bình, huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Hồng Loan